TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRẦN ĐỀ** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 05/6/2020
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN ĐỀ, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lý Công Minh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Trần Hoàng Việt

2/ Bà Huỳnh Như Ý

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Chí Hướng - Thư ký Toà án nhân dân huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Ông Lý Út Hoài - Kiểm sát viên.

Trong ngày 05/6/2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 263/2019/TLST-HNGĐ ngày 16/12/2019 về tranh chấp ly hôn và nuôi con khi ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 04/5/2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Lâm H, sinh năm 1988. Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng (có đơn xin vắng mặt).

- *Bị đơn:* Bà Tô Thị Thanh N, sinh năm 1992. Địa chỉ: Ấp T, xã V, huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 14/11/2019 cũng như trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn ông Lâm H trình bày: Vào năm 2009 ông và bà Tô Thị Thanh N tự nguyện chung sống với nhau, có tổ chức lễ cưới, nhưng đến năm 2012 mới đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã V, huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 18/4/2012. Sau khi cưới vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chính là do bất đồng ý kiến trong cuộc sống, dẫn đến cãi vã thường xuyên. Cho nên vợ chồng đã không còn chung sống từ cuối năm 2013 đến nay. Trong thời gian chung sống ông và bà N có một con chung tên Lâm Tô Huỳnh H, sinh ngày 28/5/2012

hiện đang chung sống với bà N. Về tài sản chung và nợ chung: Ông H trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nay ông Lâm H yêu cầu được ly hôn với bà Tô Thị Thanh N; Về con chung Lâm Tô Huỳnh H, sinh ngày 28/5/2012 ông H đồng ý giao cháu H cho bà N tiếp tục nuôi dưỡng đến trưởng thành và ông không phải cấp dưỡng nuôi con chung; Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bà N nhưng bà N không có văn bản gửi cho Tòa án để trình bày ý kiến về yêu cầu khởi kiện của ông H, đồng thời bà N cũng không đến tham gia phiên hòa giải cũng như tham gia phiên tòa.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Đề xác định: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng pháp luật tố tụng dân sự. Từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn chấp hành đúng pháp luật, tuy nhiên sự chấp hành pháp luật của bị đơn chưa đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Theo đơn khởi kiện lập ngày 14/11/2019, ông Lâm H yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với bà Tô Thị Thanh N có nơi cư trú tại ấp T, xã V, huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử xác định việc Tòa án nhân dân huyện Trần Đề thụ lý, giải quyết vụ án theo trình tự sơ thẩm là đúng quy định của pháp luật về thẩm quyền giải quyết vụ án.

[2] Về xét xử vắng mặt đương sự: Tại phiên tòa, bị đơn Tô Thị Thanh N vắng mặt lần thứ hai không có lý do khi đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, nguyên đơn ông Lâm H có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 227; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228 và khoản 3 Điều 235 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vụ án.

[3] Xét yêu cầu của nguyên đơn ông Lâm H:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Lâm H và bà Tô Thị Thanh N tự nguyện chung sống với nhau có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã V, huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 18/4/2012. Cho nên quan hệ hôn nhân của ông H, bà N không vi phạm các điều kiện kết hôn theo quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Nhưng sau một thời gian chung sống thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chính là do bất đồng ý kiến, dẫn đến cãi vã. Hiện ông H nhận thấy không còn tình cảm vợ chồng với bà N nên có nguyện vọng ly hôn. Ông H, bà

N đã không còn chung sống từ năm 2013 đến nay, từ đó cho thấy tình trạng hôn nhân giữa các bên trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận cho ông H được ly hôn với bà N.

[3.2] Về con chung: Trong thời gian chung sống ông Lâm H và bà Tô Thị Thanh N có một con chung Lâm Tô Huỳnh H, sinh ngày 28/5/2012, hiện đang chung sống với bà N và ông H đồng ý giao cháu H cho bà N tiếp tục nuôi dưỡng đến trưởng thành và không yêu cầu cấp dưỡng. Xét thấy, từ ngày ông H, bà N không còn sống chung cháu H do bà N trực tiếp nuôi dưỡng và để đảm bảo cuộc sống của cháu H không bị xáo trộn, ảnh hưởng đến tâm lý sinh lý của cháu khi cha mẹ ly hôn. Do đó, Hội đồng xét xử giao cháu H cho bà Tô Thị Thanh N trực tiếp nuôi dưỡng đến khi thành niên theo quy định tại các Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3.3] Về nghĩa vụ cấp dưỡng cho con chung: Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bà N nhưng bà N không có văn bản gửi cho Tòa án để trình bày ý kiến về yêu cầu khởi kiện của ông H cũng như có ý kiến đối với việc cấp dưỡng nuôi con. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét đối với việc cấp dưỡng nuôi con.

[3.4] Về tài sản chung và nợ chung: Ông H trình bày không có, không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] Từ những phân tích nêu trên, xét yêu cầu của nguyên đơn, đề nghị của Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Đề là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Án phí sơ thẩm: Ông H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTV Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

[6] Về quyền kháng cáo bản án: Căn cứ vào Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Đối với bị đơn Tô Thị Thanh N vắng mặt tại phiên tòa, thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc ngày Tòa án tống đạt hợp lệ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Khoản 3 Điều 36, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 273, khoản 1 Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Căn cứ vào điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lâm H.

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Lâm H được ly hôn với bà Tô Thị Thanh N.

- Về con chung: Giao cho bà Tô Thị Thanh N trực tiếp nuôi dưỡng con chung của ông Lâm H và Tô Thị Thanh N là Lâm Tô Huỳnh H, sinh ngày 28/5/2012 đến khi thành niên (hiện nay cháu H đang sống chung với bà N).

- Ông Lâm H có quyền, nghĩa vụ thăm nom cháu Lâm Tô Huỳnh H mà không ai được cản trở. Ông Lâm H không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục H của bà Tô Thị Thanh N.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Tô Thị Thanh N không yêu cầu cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

- Về tài sản chung: Ông Lâm H không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

- Về nợ chung: Ông Lâm H không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

2/ Về án phí sơ thẩm:

- Ông Lâm H phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền ứng án phí bà Trinh đã nộp 300.000 đồng, theo Biên lai số 0005981, ngày 16/12/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng. Như vậy, ông H đã thực hiện xong nghĩa vụ nộp án phí.

- Bà Tô Thị Thanh N không phải chịu án phí sơ thẩm.

3/ Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày Tòa án tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh ST (Phòng KTNN&THA);
- Đương sự;
- VKSND huyện Trần Đề;
- UBND xã V, H.TĐ;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lý Công Minh